

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2025/DS-PT

Ngày: 22 – 4 – 2025

“V/v: Tranh chấp hợp đồng giao
khoán và yêu cầu bồi thường thiệt hại
về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết, bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Yến – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2025/TLPT-DS ngày 06/01/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng giao khoán và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”. Do có kháng cáo của bị đơn ông Lê Thế T đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2025/QĐPT-DS ngày 05/3/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần C; Địa chỉ: K, quốc lộ B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Đỗ Hoàng P – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên

Địa chỉ: K, Quốc lộ B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Đình B, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số F T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Thế T; Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/8/2011, ông Lê Thế T có ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1464/2011/HĐ-GK với Công ty TNHH MTV C (nay là Công ty Cổ phần C) để nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê với của Công ty có diện tích 5.290m² và diện tích bờ lô 768m². Thời hạn giao khoán là 10 năm, từ niên vụ cà phê năm 2011 – 2012 đến niên vụ cà phê 2020 – 2021. Sản lượng giao khoán hàng năm ông T phải nộp về Công ty theo Hợp đồng giao khoán, cụ thể như sau: Niên vụ 2011 – 2012 đến niên vụ 2014 – 2015 nộp 1.685kg/niên vụ; Niên vụ 2015 – 2016 đến niên vụ 2017 – 2018 nộp 1.504kg/niên vụ; Niên vụ 2018 – 2019 đến niên vụ 2020 – 2021 nộp 1.324kg/niên vụ.

Từ khi nhận vườn cây ông T đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm đầy đủ trong các niên vụ từ 2011 – 2012 đến 2017 – 2018 theo Hợp đồng giao khoán.

Tuy nhiên, từ niên vụ 2018 – 2019 đến niên vụ 2019 - 2020, ông Lê Thế T đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi sau thu hoạch cho Công ty theo như cam kết trong Hợp đồng. Công ty đã khởi kiện ông T. Tại Bản án số 65/DS-PT ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên chấm dứt hợp đồng số 1464/2011/HĐ-GK ngày 2/8/2011 và buộc ông Lê Thế T trả lại toàn bộ đất và vườn cây cho Công ty. Mặc dù Công ty đã động viên, Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc đã ban hành quyết định số 1052/QĐ-CCTHADS ngày 06 tháng 7 năm 2022, quyết định thi hành án theo yêu cầu nhưng ông T vẫn cố tình chống đối, không hợp tác và cố tình chiếm dụng canh tác vườn cây của Công ty B1.

Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thế T phải trả sản lượng cà phê quả tươi còn nợ của hai niên vụ 2020 – 2021; 2021 – 2022 là 2.648kg cà phê quả tươi và phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho Công ty Cổ phần C do hành vi chiếm giữ, hưởng hoa lợi từ vườn cây cà phê các niên vụ 2022 – 2023; 2023 – 2024 là 5.296kg cà phê quả tươi.

Buộc ông Lê Thế T phải bồi thường cho Công ty tiền truy thu tiền thuê đất từ năm 2006 – 2010, tiền thuê đất năm 2020 – 2021 là 1.367.137 đồng.

Do ông Lê Thế T đã có hành vi chặt hạ, chiếm đoạt 46 cây muồng đen trồng năm 1994, khối lượng gỗ là 25,26m³. Do đó, buộc ông Lê Thế T phải bồi thường cho Công ty giá trị 46 cây muồng đen.

Buộc ông Lê Thế T phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trả hoa lợi cho Công ty Cổ phần C của niên vụ 2023 – 2024, đối với 75 cây tiêu, với số tiền 75 cây x 200.000 đồng/cây = 15.000.000 đồng và 30 cây sầu riêng, với số tiền 30 x 1.000.000 đồng/cây = 30.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc Công ty Cổ phần C trả lại cho ông Lê Thế T số sản lượng cà phê đã thu sai từ niên vụ 2011 – 2018 là 317,41kg cà

phê nhân; số cà phê ông T hưởng theo tỷ lệ 40% từ niên vụ 2011 – 2018 là 878,13 kg cà phê nhân; Công nhận hiệu lực của Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1305/HĐHTĐT ngày 01/10/2001 giữa Công ty Cổ phần C và ông Lê Thế T thì Công ty không đồng ý. Vì sản lượng cà phê Công ty thu của các niên vụ từ năm 2011 – 2018 là thu đúng theo hợp đồng khoán gọn hai bên đã ký kết. Các bên đã ký Hợp đồng khoán gọn thay cho Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1305/HĐHTĐT ngày 01/10/2001 giữa Công ty Cổ phần C và ông Lê Thế T nên Hợp đồng hợp tác đầu tư đã hết hiệu lực.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Thế T và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Phạm Văn H thống nhất trình bày:

Ngày 25/8/2011, ông Lê Thế T có ký hợp đồng khoán gọn số 1464/2011/HĐ-KG với Công ty TNHH MTV C. Đến năm 2019 thì xảy ra tranh chấp, lý do Công ty không xem xét giảm sản lượng giao nộp cho hộ nhận khoán khi có rủi ro. Mặc dù ông T đã nhiều lần đề nghị nhưng phía Công ty không thành lập hội đồng gồm bên A, bên B và bên trung gian là Sở N hoặc Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp T1 để đánh giá thiệt hại, vi phạm khoản 2 điều 6 của hợp đồng, không giảm sản cho hộ nhận khoán vi phạm điểm b, khoản 1, điều 2 của hợp đồng số 17/2016/HĐ-KG. Không những thế phía Công ty còn có dấu hiệu lừa dối khi soạn hợp đồng khoán gọn vườn cây, bớt xén khoản đầu tư, cụ thể tại trang 9 phương án khoán gọn phần 4.1 Chi phí sản xuất năm 2010 (cơ cấu chi phí cho 1ha cà phê năm 2010; theo hợp đồng HTĐT 51%- 49% NS 28 tạ/ha) gồm 10 khoản tổng chi phí là 46.775.156 đồng, Công ty phải đầu tư 51% tương đương 23.855.330 đồng. Nhưng tại mục 4-2 dự kiến chi phí sản xuất tính trên 1ha cà phê tại trang 9, trang 10 phương án khoán gọn vườn cây cũng gồm 10 khoản chi phí như mục 4.1 nêu trên và thêm khoản dự kiến tiền thuê đất là 400.000 đồng tổng chi phí cho 01ha cà phê là 47.175.156 đồng nhưng Công ty chỉ chịu đầu tư 21.399.312 đồng, Công ty đã không chịu phần đầu tư 51% của chi phí quản lý, chi phí sản xuất chung và tiền thuê đất dự kiến với số tiền 2.660.017 đồng gây thiệt hại cho hộ nhận khoán. Hơn nữa Công ty đã không phân chia thu nhập sau khi trừ chi phí theo điểm i khoản 1, Điều 12 Nghị định 135/2005/NĐ-CP. Sau khi ký hợp đồng khoán gọn vườn cây ông T đã thay Công ty bỏ vốn, công sức và quản lý vườn cây nhưng Công ty đã không phân chia thu nhập cho ông T, tại trang 10 phương án khoán gọn công ty định mức sản lượng giao nộp sau khi trừ chi phí khoán gọn là 700kg cà phê nhân/ha, đây là phần thu nhập sau khi trừ chi phí vì vậy theo quy định tại điểm i khoản 1, Điều 12 Nghị định 135 nêu trên thì ông T phải được hưởng một phần trong 700kg cà phê nhân này, nhưng phía công ty không chia cho ông T. Vì những lý do trên nên ông T đã dừng đóng sản lượng cho Công ty.

Do đó, bị đơn ông Lê Thế T có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần C trả lại cho ông Lê Thế T số sản lượng cà phê đã thu sai từ niên vụ 2011 – 2018 là 317,41kg cà phê nhân; số cà phê ông T hưởng theo tỷ lệ 40% từ niên vụ 2011 – 2018 là 878,13 kg cà phê nhân; Công nhận hiệu lực của Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1305/HĐHTĐT ngày 01/10/2001 giữa Công ty Cổ phần C và ông Lê Thế T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C thì Công ty đã khởi kiện ông T, tại Bản án số 65/DS-PT ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên chấm dứt hợp đồng số 1464/2011/HĐ-GK ngày 25/8/2011 và buộc ông Lê Thế T trả lại toàn bộ đất và vườn cây cho Công ty. Tuy nhiên, ông T đã làm đơn yêu cầu giám đốc thẩm đối với bản án trên. Hiện ông T vẫn đang canh tác trên vườn cây nhận khoán, Công ty yêu cầu ông T trả sản lượng cà phê và bồi thường thiệt hại các niên vụ 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023; 2023 – 2024 thì ông T không đồng ý vì thực tế ông T đã mua lại phần 49%.

Công ty yêu cầu ông T phải nộp tiền truy thu tiền thuê đất từ năm 2006 – 2010, tiền thuê đất năm 2020 – 2021 là 1.367.137 đồng nhưng không nêu căn cứ rõ ràng, không đúng với giá thuê đất mà Công ty đã ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Đ theo hợp đồng thuê đất số 64/HĐTĐ ngày 27/6/2011, phụ lục hợp đồng ngày 17/11/2011 và phụ lục hợp đồng số 118/PL-HĐTĐ ngày 21/6/2017.

Đối với việc Công ty yêu cầu ông T phải bồi thường giá trị 46 cây muồng đen trồng năm 1994 là hoàn toàn không có cơ sở, vì trong hợp đồng không thể hiện số cây muồng đen nêu trên, công ty cũng không chứng minh được cây muồng đen là do công ty T2 và chăm sóc. Toàn bộ cây muồng đen trên lô nhận khoán là do ông T tự trồng và chăm sóc.

Công ty cổ phần C khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Thế T bồi thường ngoài hợp đồng 2.648kg cà phê quả tươi của niên vụ 2023-2024 và bồi thường hoa lợi của cây Tiêu và cây Sầu riêng niên vụ 2023-2024 với số tiền 45.000.000 đồng. Bị đơn ông Lê Thế T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện bổ sung trên của công ty cổ phần C, vì bị đơn không ký hợp đồng với Công ty cổ phần C, các loại cây trồng cho hoa lợi ngoài cây cà phê đều do bị đơn tự trồng và chăm sóc cho nên công ty cổ phần C khởi kiện ông T là hoàn toàn không có cơ sở và hết sức vô lý.

Hiện nay, thanh tra chính phủ và các cơ quan ban ngành có thẩm quyền đang tiến hành thanh tra xử lý việc tranh chấp giữa công ty cổ phần C và ông T cũng như các hộ nhận khoán khác, kết quả thanh tra sẽ ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, kính mong Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xem xét và tạm đình chỉ vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần C.
- + Buộc ông Lê Thế T phải trả sản lượng và bồi thường thiệt hại cho Công ty cổ phần C 04 niên vụ 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 – 2023; 2023 – 2024 tổng cộng là 7.840 kg (Bảy ngàn tám trăm bốn mươi kilogam) cà phê quả tươi.
- + Buộc ông Lê Thế T phải nộp tiền truy thu tiền thuê đất cho Công ty cổ phần C các năm từ 2006-2010; tiền thuê đất năm 2020 - 2021, phần 49% là 1.367.137 đồng (Một triệu ba trăm sáu bảy ngàn một trăm ba mươi bảy đồng);
- + Buộc ông Lê Thế T phải bồi thường cho Công ty cổ phần C 51% giá trị 46 cây muồng đen, trồng năm 1994 đã bị cắt hạ là: 59.517.612 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm mười bảy ngàn sáu trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần C về việc buộc bị đơn ông Lê Thế T phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần C 104kg cà phê quả tươi và yêu cầu buộc bị đơn ông Lê Thế T phải bồi thường thiệt hại phần 49% giá trị 46 cây muồng đen, trồng năm 1994 đã bị cắt hạ.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần C về việc buộc bị đơn ông Lê Thế T phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trả hoa lợi đối với 75 cây tiêu và 30 cây sầu riêng niên vụ 2023 - 2024 cho Công ty cổ phần C với số tiền 45.000.000 đồng.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Thế T về việc buộc Công ty cổ phần C trả lại cho ông Lê Thế T số sản lượng cà phê đã thu sai từ niên vụ 2011 – 2018 là 317,41kg cà phê nhân và sản lượng cà phê ông Lê Thế T hưởng theo tỷ lệ 40% từ niên vụ 2011 – 2018 là 878,13 kg cà phê nhân và yêu cầu công nhận hiệu lực của Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1305/HĐHTĐT ngày 01/10/2001 giữa Công ty cổ phần C và ông Lê Thế T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2024, bị đơn ông Lê Thế T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Thế T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Thế T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Ông T và người đại diện theo ủy quyền của ông T cho rằng tại cấp sơ thẩm ông T đã yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án để đợi kết luận thanh tra, nay đã có kết luận thanh tra Công ty cổ phần C chưa chuyển giao tất cả hồ sơ liên quan đến hợp đồng với Công ty TNHH MTV C. Công ty cổ phần C không có tư cách kiện ông T và Công ty có nhiều sai phạm như việc xác định 49% giá trị vườn cây ông T góp vốn với Công ty TNHH MTV C. Nếu 49 % giá trị vườn cây được xem xét cổ phần hóa thì ông T trở thành cổ đông chiến lược của Công ty. Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê là bất lợi cho người nhận khoán là ông T như giá đầu tư, giá nhân công, giá thiết bị thì căn cứ theo Bộ luật dân sự khi hợp đồng có điều khoản bất lợi cần xem xét điều chỉnh. Về nộp sản lượng và tiền thuê đất của Công ty khi ký kết hợp đồng phải ưu tiên người lao động và phải có sự bàn bạc trao đổi nhưng Công ty không thực hiện áp buộc ông T ký hợp đồng mới số 1464/2011/HĐ-GK là không đúng. Về cây muồng đen ông T tự trồng và tự khai thác nhưng Công ty buộc ông T phải bồi thường giá trị 49 cây muồng đen là không đúng. Vì quá trình mưa bão cây đổ, cây chết. Công ty kiện là hoàn toàn vô lý.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quyền khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn: Việc chuyển đổi từ mô hình Công ty TNHH MTV C sang Công ty Cổ phần C đã được thực hiện theo trình tự quy định của pháp luật được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09/10/2019, hiện nay chưa bị cơ quan có thẩm quyền nào hủy bỏ tư cách pháp nhân. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 202 Luật doanh nghiệp quy định “*Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi*”. Nên nguyên đơn Công ty Cổ phần C khởi kiện là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về xác định tỷ lệ phần trăm được hưởng của các bên và thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng:

Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1464/2011/HĐ-GK, ngày 25/8/2011 ký kết giữa Công ty TNHH MTV C với ông Lê Thế T là hợp đồng song vụ có thời hạn, hai bên tự nguyện giao kết hợp đồng, nội

dung hợp đồng không vi phạm quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Hợp đồng giao khoán thực chất là hợp đồng đầu tư sản xuất và phân chia sản phẩm theo tỷ lệ Công ty E và ông T 49%. Tức Công ty có nghĩa vụ đầu tư và được hưởng quyền lợi tương ứng với 51%, còn ông T có nghĩa vụ đầu tư và được hưởng quyền lợi tương ứng 49%. Sản lượng cà phê công ty yêu cầu ông T nộp đã tương ứng với 51% công ty được nhận, còn 49% sản lượng còn lại ông T được hưởng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T không thực hiện nghĩa vụ đúng như nội dung hợp đồng hai bên đã ký kết nên Công ty cổ phần C khởi kiện ông T và đã được giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm số 65/2022/DS-PT ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực pháp luật. Công ty cổ phần C đã tự nguyện thi hành án.

- Về yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C:

+ Yêu cầu buộc ông Lê Thế T phải trả sản lượng các niên vụ 2020 – 2021, 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024 tổng cộng 7.840kg cà phê quả tươi.

Mặc dù, Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1464/2011/HĐ-GK, ngày 25/8/2011 các bên ông Lê Thế T và Công ty TNHH MTV C đã ký kết đã chấm dứt (Theo Bản án dân sự phúc thẩm số 65/2022/DS-PT ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên). Nhưng ông Lê Thế T không chấp hành vẫn chiếm giữ, quản lý và hưởng hoa lợi vườn cây từ các niên vụ 2020 – 2021, 2021 – 2022. Tại phiên tòa sơ thẩm ông T thừa nhận đang sử dụng và thu sản phẩm trên diện tích đất nhận khoán nên Công ty cổ phần C khởi kiện buộc ông Lê Thế T phải trả sản lượng các niên vụ 2020 – 2021, 2021 – 2022; 2022-2023; 2023-2024 (phần 51%) cho Công ty 7.840kg cà phê quả tươi và cấp sơ thẩm đã xem xét chấp nhận yêu cầu này của Công ty là có căn cứ và Phù hợp với Điều 584 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

+ Yêu cầu buộc ông Lê Thế T bồi thường tiền truy thu tiền thuê đất từ năm 2006-2010; tiền thuê đất năm 2020 -2021 là 1.367.137 đồng.

Tại điểm g khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng khoán gọn, về phần nghĩa vụ của bên B có nội dung: “*Bên B có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất, thuế đất nông nghiệp cho Nhà nước, theo tỷ lệ 51 – 49%, phần bên B chịu 49% nộp vào tháng 11 trong năm thông qua bên A*”. Căn cứ vào Thông báo số 43/CT-THNVDT ngày 08/1/2018 của Cục thuế tỉnh Đ về việc truy thu tiền thuê đất đã miễn sai đối tượng theo kết luận Kiểm toán Nhà nước thì từ năm 2003 – 2010 (05 năm) tiền thuê đất được tính 1.042.067 đ/ha; Thông báo số 695/TB-CT ngày 23/3/2020 tiền thuê đất được tính 1.785.408đ/ha; Thông báo số 1252/TB-CT ngày 29/4/2021 về tiền thuê đất theo hình thức nộp hàng năm của Cục thuế tỉnh Đ thì năm 2021 tiền thuê đất được tính 1.785.408đ/ha. Xét từ năm 2006 – 2010 và các năm 2020 - 2021, ông T chưa nộp tiền thuê đất cho Công ty để Công ty thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật. Như vậy, căn cứ vào diện tích đất nhận khoán, diện tích đất bờ lô và các Thông báo thuế thì ông T phải có nghĩa vụ nộp tiền

thuê đất. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên buộc ông T phải nộp tiền thuê đất cho Công ty phần 49% với số tiền là 1.367.137 đồng là có cơ sở.

+ Về yêu cầu buộc ông Lê Thế T phải bồi thường thiệt hại do tự ý chặt hạ 46 cây muồng đen với khối lượng gỗ là 25,26m³.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T cho rằng cây muồng đen là do ông T tự trồng và tự khai thác, cây bị đổ chết do mưa bão nhưng Công ty buộc ông T phải bồi thường giá trị 49 cây muồng đen là không đúng. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản kiểm kê cây muồng đen trên lô cà phê lập ngày 13/8/2008 (có chữ ký của ông Lê Thế T) thì trên diện tích đất nhận khoán đã có 73 cây muồng đen trồng năm 1994, tại phiên tòa ông T khai ông nhận khoán từ năm 2001. Như vậy, tại thời điểm ông T nhận khoán trên lô cà phê nhận khoán đã có cây muồng đen của Công ty trồng năm 1994. Tại khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê quy định về điều khoản cam kết chung thì: *“Công ty thống nhất quản lý cây muồng đen hiện có trên lô cà phê giao khoán, nếu vì lý do quá dày rợp, già cỗi phải cắt tỉa hoặc khi vườn cây thanh lý thì công ty sẽ tổ chức kiểm kê, lập thủ tục bán theo phương thức đấu thầu...”*. Đồng thời căn cứ vào chứng cứ Công ty cung cấp biên bản tự ý chặt hạ cây muồng đen trên lô nhận khoán ngày 27/8/2020, có xác nhận của Công an xã H thể hiện 46 cây muồng đen trồng năm 1994 bị chặt hạ. Tại phiên tòa ông T không cung cấp chứng cứ chứng minh cây muồng bị bão đổ ngã chết. Ngoài ra trong hợp đồng tại khoản 1 Điều 6 của hợp đồng và tại mục 7.2.1.2 của Phương án khoán gọn vườn cây cà phê quy định: *“Đối với vườn cà phê trồng từ năm 1993 trở về sau này, khi cắt tỉa hoặc thanh lý toàn bộ theo diện tích cà phê thì phân chia theo tỷ lệ 51%-49% giá trị bán đấu giá gỗ”*. Như vậy, đối với 46 cây muồng đen trồng năm 1994, với khối lượng gỗ công ty cung cấp 25,26m³, theo kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 18/7/2024 có giá 116.701.200 đồng, chia theo tỷ lệ 51%-49%, buộc ông T phải bồi thường cho Công ty phần 51% giá trị là: 59.517.612 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc buộc ông Lê Thế T phải bồi thường cho Công ty cổ phần C 49% giá trị cây 46 cây muồng đen trồng năm 1994, đã bị chặt hạ. Cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

+ Đối với yêu cầu buộc ông Lê Thế T phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trả hoa lợi cho Công ty Cổ phần C của niên vụ 2023 – 2024, đối với 75 cây tiêu, với số tiền 75 cây x 200.000 đồng/cây = 15.000.000 đồng và 30 cây sầu riêng, với số tiền 30 x 1.000.000 đồng/cây = 30.000.000 đồng. Đối với các cây trồng trên, ông T hiện đang chiếm giữ và hưởng hoa lợi. Nhưng công ty không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thiệt hại ngoài hợp đồng nên Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là phù hợp.

[2.2] Về yêu cầu phản tố bị đơn ông Lê Thế T:

- Yêu cầu buộc Công ty Cổ phần C trả lại cho ông Lê Thế T số sản lượng cà phê đã thu sai từ niên vụ 2011 – 2018 là 317,41kg cà phê nhân và sản lượng cà phê ông T hưởng theo tỷ lệ 40% từ niên vụ 2011 – 2018 là 878,13 kg cà phê nhân.

Xét thấy, theo khoản 3 Điều 1 của Hợp đồng khoán gọn, hai bên đã thỏa thuận sản lượng giao khoán mỗi niên vụ ông T phải đóng cho Công ty, cụ thể như sau: Từ niên vụ 2011 - 2012 đến niên vụ 2014 - 2015, đóng 1.685kg quả cà phê tươi/năm; từ niên vụ 2015 - 2016 đến niên vụ 2017 - 2018, đóng 1.504kg quả cà phê tươi/năm; từ niên vụ 2018 - 2019 đến niên vụ 2020 - 2021, đóng 1.324kg quả cà phê tươi/năm. Sự thỏa thuận trên của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên; trên thực tế từ niên vụ 2011 – 2012 đến niên vụ 2017 – 2018, ông T đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây và nộp sản lượng đầy đủ theo hợp đồng đã ký kết. Nên cấp sơ thẩm không chấp nhận câu phản tố của bị đơn là có cơ sở.

-Yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu công nhận hiệu lực của Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1305/HĐHTĐT ngày 01/10/2001 giữa Công ty cổ phần C và ông Lê Thế T.

Ngày 01/10/2001, ông T và Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất cà phê và phân chia sản phẩm số 1305/HĐHTĐT, thời hạn hợp đồng là 30 năm. Tuy nhiên đến năm 2011, Công ty đã lập phương án chuyển đổi khoán vườn cây cà phê từ Phương án hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất cà phê và phân chia sản phẩm sang Phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên. Ngày 27/8/2011, ông T và Công ty TNHH MTV C đã ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 1464/2011/HĐ-KG thay thế cho hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất cà phê và phân chia sản phẩm số 1305/HĐHTĐT ngày 01/10/2001. Như vậy, Hợp đồng số 1305/HĐHTĐT đã hết hiệu lực. Do đó, yêu cầu phản tố này của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Thế T cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Thế T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Thế T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lê Thế T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai

thu số AA/2023/0006101 ngày 14/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông pắc;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ My

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Thuần Đình Thị Tuyết

Nguyễn Thị My My